

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1593/2026/DS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2026/TLST–DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2456/2026/QĐXXST–DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3076/2026/QĐST–DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Địa chỉ trụ sở: Phường X, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng S

(Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2026)

Ủy quyền lại cho: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991

Địa chỉ liên hệ: Phường X, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/6/2026)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Căn hộ Khu Nhà ở Xã hội H, phường B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T) do ông Nguyễn Ngọc M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 19/10/2021 ông Nguyễn Hoàng P có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (sau đây gọi chung là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021) với Ngân hàng Thương mại Cổ phần T nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S). Căn cứ vào thu nhập của ông P, Ngân hàng S đã đồng ý cấp cho ông P 01 (một) Thẻ tín dụng JCB, số thẻ 356480-1604, hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Kể từ ngày được cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.950.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) và chỉ thanh toán lại cho Ngân hàng S số tiền 13.480.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) theo thứ tự thanh toán được quy định tại Điều 21 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T. Sau đó, ông P đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận mặc dù đã được Ngân hàng S nhiều lần nhắc nhở.

Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 18 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T nên ngày 16/3/2024 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P. Đồng thời, Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ dư nợ tính đến ngày 16/3/2024 của ông P là 22.489.083 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) thành nợ gốc và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn tính trên nợ gốc là 2,766%/tháng theo quy định tại Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Ngày 19/4/2024 ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Nay Ngân hàng S yêu cầu ông P phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 tính đến ngày 15/10/2025 là 37.866.811 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm mười một đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 16.877.728 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng). Ngoài ra, ông P còn phải thanh toán cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 16/10/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Đồng thời, do bận công việc nên ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông P vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông P cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T).

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng S vắng mặt, nhưng có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hoàng P phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 tính đến ngày 30/7/2026 là 46.226.875 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 25.237.792 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng); và yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký từ ngày 31/7/2026 cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P trả số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 thể hiện bị đơn ông Nguyễn Hoàng P cư trú tại phường B, Thành phố H nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm

quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng S do ông Nguyễn Ngọc M đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19/10/2021, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được ông Nguyễn Hoàng P và đại diện Ngân hàng S ký tên xác nhận có cơ sở xác định ông P đã được Ngân hàng S đồng ý cấp cho 01 (một) Thẻ tín dụng JCB có số thẻ là 356480-1604 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để tiêu dùng cá nhân.

Việc giao kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 giữa Ngân hàng S và ông P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2]. Theo nội dung được ghi nhận trong Bảng tóm tắt sao kê ngày 30/7/2026 xác định:

- Từ ngày 15/11/2021 đến ngày 15/12/2021 ông P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 17.950.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

- Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/11/2023 ông P đã nhiều lần thanh toán cho Ngân hàng S với tổng số tiền là 13.480.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), nhưng vi phạm thời hạn thanh toán nên phát sinh các khoản lãi và phí được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

- Ngày 19/4/2024 ông P có thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tính đến ngày 30/7/2026 ông P còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền là 46.226.875 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 25.237.792 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

[3.3]. Theo quy định tại Điều 21 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì số tiền ông P đã trả cho Ngân hàng S sẽ được áp dụng thanh toán theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa/Thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến trong kỳ.

Ngày 16/3/2024 Ngân hàng S chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông P và tính đến ngày 16/3/2024 số tiền ông P còn nợ Ngân hàng S là 22.489.083 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) đã được Ngân hàng S chuyển sang nợ gốc quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 24 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

[3.4]. Căn cứ Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam và Điều 23, Điều 24 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T thì mức lãi suất trong hạn được áp dụng đối với thẻ tín dụng Master là 2,766%/tháng và mức lãi suất quá hạn là 4,149%/tháng.

[3.5]. Ngân hàng S yêu cầu ông P phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 tính đến ngày 30/7/2026 là 46.226.875 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 25.237.792 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng); và yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3.6]. Đối với ông Nguyễn Hoàng P, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S xem như ông P từ bỏ quyền lợi và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

[3.7]. Xét thấy, ông P không thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ phát sinh từ các giao dịch sử dụng thẻ tín dụng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng S yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 tính đến ngày 30/7/2026 là 46.226.875 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 25.237.792 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng); và yêu cầu ông P tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 351, Điều 352, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T) đối với ông Nguyễn Hoàng P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Hoàng P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T) số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/10/2021 là 46.226.875 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó dư nợ gốc là 20.989.083 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi chín nghìn không trăm tám mươi ba đồng) và tiền lãi quá hạn là 25.237.792 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.311.344 đồng (Hai triệu ba trăm mười một nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên cũ là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 946.670 đồng (Chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006332 ngày 20/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương